

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiên thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012.

2. Chủ tịch và các thành viên Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc
- Ông Trương Quang Vệ	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
- Ông Trần Quốc Thành	Phó Giám đốc
- Ông Tạ Quang Tuấn	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và trụ sở của các chi nhánh, xí nghiệp như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Hà Nội	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- XN Dầu nhờn	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vận tải Thủy	P. Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Xếp Dỡ	Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Cẩm Phả	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Hòn Gai	Đường Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh vật tư, thiết bị; chế biến, tái sinh dầu nhờn; vận tải than, đất đá và các hàng hóa khác; cung ứng tàu biển, bốc xếp hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam) được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã lập Báo cáo tài chính theo đúng các yêu cầu trên.

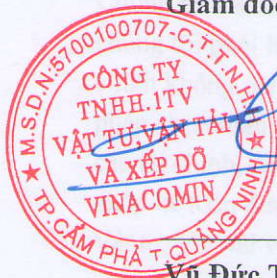
9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc



Vũ Đức Tuấn

Nguyễn Hùng Cường
Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV
Chung cư MTV số 107/KTV

Nguyễn Đình Thành
Kiểm toán viên
Chung cư MTV số 107/KTV



Số: 70/2013/BCKT-AFC

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Báo cáo tài chính này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1673/KTV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		960.609.612.006	714.435.048.936
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	18.759.837.830	89.502.799.481
Tiền	111		18.759.837.830	25.498.113.481
Các khoản tương đương tiền	112		-	64.004.686.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		760.816.909.066	330.814.159.438
Phải thu khách hàng	131		759.770.078.730	328.708.995.998
Trả trước cho người bán	132		274.610.945	594.866.149
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		684.699.421	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	115.619.970	1.538.397.291
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.100.000)	(28.100.000)
Hàng tồn kho	140	5.3	179.563.080.385	287.444.096.106
Hàng tồn kho	141		185.563.080.385	293.444.096.106
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.469.784.725	6.673.993.911
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	-	26.479.543
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	6.647.514.368
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154		8.547.300	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.461.237.425	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.427.629.956	132.966.206.204
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		124.780.138.627	123.791.669.748
TSCĐ hữu hình	221	5.5	124.340.061.354	123.289.261.105
- Nguyên giá	222		386.815.505.703	359.200.023.118
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(262.475.444.349)	(235.910.762.013)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	440.077.273	502.408.643
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.647.491.329	9.174.536.456
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	6.962.491.329	9.030.536.456
Tài sản dài hạn khác	268		685.000.000	144.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.093.037.241.962	847.401.255.140

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		960.002.880.002	724.198.107.884
Nợ ngắn hạn	310		876.626.711.309	658.262.303.243
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	260.690.850.914	89.245.000.000
Phải trả người bán	312		556.780.494.009	520.272.763.022
Người mua trả tiền trước	313		652.517.939	5.228.959.420
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	9.485.295.704	1.379.592.993
Phải trả người lao động	315		21.044.682.890	18.275.478.114
Chi phí phải trả	316	5.10	359.486.174	200.018.822
Phải trả nội bộ	317		-	7.154.976.631
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	8.445.337.756	2.565.574.402
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.168.045.923	13.939.939.839
Nợ dài hạn	330		83.376.168.693	65.935.804.641
Phải trả dài hạn khác	333		16.000.000	16.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	82.993.905.873	64.945.472.336
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	608.069.485
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		366.262.820	366.262.820
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.732.723.216	120.051.240.634
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	130.732.723.216	120.051.240.634
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.500.000.000	106.999.676.515
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.750.763.491	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	39.876.876
Quỹ đầu tư phát triển	417		5.780.797.745	719.541.642
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.701.161.980	12.092.145.601
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	200.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
VỐN GÓP LIÊN DOANH	500	5.14	2.301.638.744	3.151.906.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.093.037.241.962	847.401.255.140

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

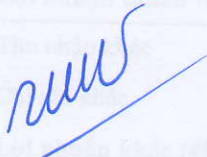
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		365.882.893	365.882.893
Nợ khó đòi đã xử lý		11.553.845.236	11.553.845.236
Ngoại tệ các loại		-	-
Ngoại tệ (USD)		100,82	-
Ngoại tệ (EUR)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	TK	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	01	6.1	6.344.590.216.726	6.497.332.214.596
Các khoản giảm trừ		02	6.2	-	34.583.215
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ		10	6.3	6.344.590.216.726	6.497.297.631.381
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	632	11	6.4	6.091.739.019.968	6.205.682.247.475
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		252.851.196.758	291.615.383.906
Doanh thu hoạt động tài chính	515	21	6.5	1.206.892.403	3.006.718.845
Chi phí tài chính	635	22	6.6	68.738.957.341	44.722.569.173
- Trong đó: Chi phí lãi vay	635V	23		68.599.704.537	42.890.887.140
Chi phí bán hàng	641	24		107.671.191.021	135.175.966.547
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	25		56.840.838.559	64.932.337.650
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		20.807.102.240	49.791.229.381
Thu nhập khác	711	31		13.485.644.826	11.000.393.403
Chi phí khác	811	32		1.918.569.179	1.532.323.822
Lợi nhuận khác (40=31-32)		40		11.567.075.647	9.468.069.581
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		32.374.177.887	59.259.298.962
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.211	51	6.7	8.315.007.082	15.148.741.297
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8.212	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		60		24.059.170.805	44.110.557.665

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Huyền



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

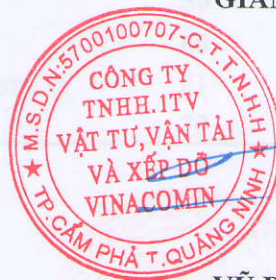
CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	1.293.213.687	57.913.725.840	49.721.643.823	9.485.295.704
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	33.441.975	33.243.936.899	29.214.141.941	4.063.236.933
Thuế GTGT hàng NK	12	-	9.942.846.517	9.942.846.517	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	3.854.837.868	3.854.837.868	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	718.613.942	8.315.007.082	3.960.898.380	5.072.722.644
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuê đất	18	-	1.122.344.153	906.883.512	215.460.641
Các khoản thuế khác	19	541.157.770	1.434.753.321	1.842.035.605	133.875.486
<i>Thuế môn bài</i>		-	10.000.000	10.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		541.157.770	1.424.753.321	1.832.035.605	133.875.486
<i>Các loại thuế khác</i>		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	86.379.306	1.208.463.600	1.303.390.206	(8.547.300)
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	86.379.306	-	86.379.306	-
Phí bảo vệ môi trường	33	-	1.208.463.600	1.217.010.900	(8.547.300)
Các khoản khác	34	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	1.379.592.993	59.122.189.440	51.025.034.029	9.476.748.404

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Huyền



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	32.374.177.887	59.259.298.962
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.781.989.165	26.097.598.987
Các khoản dự phòng	03	-	(1.242.698.903)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.066.704.365)	(3.006.718.845)
Chi phí lãi vay	06	68.599.704.537	42.890.887.140
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	130.689.167.224	123.998.367.341
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(424.788.266.925)	(60.199.001.017)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	107.881.015.721	(97.118.308.693)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	28.594.022.447	261.420.623.275
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.094.524.670	(7.757.645.282)
Tiền lãi vay đã trả	13	(68.599.704.537)	(42.890.887.140)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.960.898.380)	(12.183.384.836)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(15.716.511.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(228.090.139.780)	149.553.252.484
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(33.363.542.809)	(64.679.552.521)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	859.823.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.168.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.206.881.365	3.006.718.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.296.838.444)	(54.504.833.676)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	(850.267.878)	(1.739.211.196)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.567.502.420.130	1.987.065.592.993
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.378.008.135.679)	(2.097.415.858.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	188.644.016.573	(112.089.476.491)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	89.502.799.481	106.543.857.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.759.837.830	89.502.799.481

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Huyền



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiền thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Công thương đã có quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty có các chi nhánh và xí nghiệp như sau:

- Chi nhánh Hà Nội
- Xí nghiệp Dầu nhờn
- Xí nghiệp Vận tải Thủy
- Xí nghiệp Xếp dỡ
- Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả
- Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.309 người, trong đó số cán bộ quản lý là 131 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp trong công tác lập Báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty. Ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi trong chế độ/chính sách kế toán đối với xử lý chênh lệch tỷ giá

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 (gọi tắt là "Thông tư 179") về việc quy định về ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính.

Việc thay đổi chính sách đối với việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính (tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp - Than Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin là 20.815 VND/USD). Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Giá đích danh (riêng Xí nghiệp Vận tư vận tải Hòn Gai và Xí nghiệp Vật tư vận tải Cẩm Phả sử dụng phương pháp nhập trước, xuất trước để tính giá trị xuất của mặt hàng xăng, dầu) |
| - Thành phẩm | Bình quân gia quyền |
| - Chi phí SXKD dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh phục vụ cho nhiều năm tài chính, bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị còn lại chưa phân bổ của các tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ và các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và nguồn vốn tự bổ sung tại đơn vị.

Các quỹ được hình thành do phân phối lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	537.416.122	19.433.662.060
Tiền gửi ngân hàng (ii)	18.222.421.708	6.064.451.421
Các khoản tương đương tiền (iii)	-	64.004.686.000
Cộng	18.759.837.830	89.502.799.481

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		537.416.122
Đồng ngoại tệ		-
Cộng		537.416.122

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		18.222.421.708
Cộng		18.222.421.708

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu người lao động	14.590.920	40.822.610
Thuế GTGT chưa kê khai	-	315.758.032
Lãi vay trả thừa	-	115.353.300
Hao hụt dầu do sự cố chờ xử lý	-	520.632.596
Phải thu khác	101.029.050	545.830.753
Cộng	115.619.970	1.538.397.291

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.3. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Hàng mua đang đi đường	16.539.660.090	-
Nguyên liệu, vật liệu	48.572.916.396	69.991.877.148
Công cụ, dụng cụ	1.484.199.927	1.645.934.033
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.828.227.074
Thành phẩm	15.468.419.148	13.294.652.794
Hàng hóa	103.291.396.860	205.639.090.787
Hàng gửi bán	206.487.964	44.314.270
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(6.000.000.000)</u>	<u>(6.000.000.000)</u>
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>179.563.080.385</u>	<u>287.444.096.106</u>

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	26.479.543
Cộng	<u>-</u>	<u>26.479.543</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	62.344.216.496	72.776.969.396	221.283.046.299	1.618.234.786	1.177.556.141	359.200.023.118
- Mua trong năm	12.650.026.606	10.065.087.064	1.935.782.640	509.235	534.176.698	25.185.582.243
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	6.011.370.643	-	1.635.836.528	-	-	7.647.207.171
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.095.459.890)	(1.950.291.986)	(171.554.953)	-	(5.217.306.829)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	81.005.613.745	79.746.596.570	222.904.373.481	1.447.189.068	1.711.732.839	386.815.505.703
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	42.044.274.868	29.938.081.544	161.569.896.940	1.201.821.094	1.156.687.567	235.910.762.013
- Khấu hao trong năm	8.703.852.677	7.790.225.854	14.982.385.112	151.112.773	154.412.749	31.781.989.165
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.095.459.890)	(1.950.291.986)	(171.554.953)	-	(5.217.306.829)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	50.748.127.545	34.632.847.508	174.601.990.066	1.181.378.914	1.311.100.316	262.475.444.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	20.299.941.628	42.838.887.852	59.713.149.359	416.413.692	20.868.574	123.289.261.105
Tại ngày cuối năm	30.257.486.200	45.113.749.062	48.302.383.415	265.810.154	400.632.523	124.340.061.354
- Thẻ chấp, cầm cố	-	-	-	-	-	-
- Đã KH hết, đang sử dụng	-	-	-	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	98.499.983.780

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí XDCB dở dang	440.077.273	502.408.643
Nhà kho trống bãi xít Cửa Ông	-	76.299.338
Thiết bị cột bom	-	87.000.000
Lập báo cáo tác động môi trường	-	56.700.000
Quy hoạch kho dầu nhờn VTHG	36.000.000	36.000.000
Chi phí thiết kế đoàn xà lan 2.000 tấn	-	9.409.305
Phần mềm kế toán Fast	237.000.000	237.000.000
Cam kết BVMT kho dầu Mông Dương	36.760.000	-
Chi phí TVTK CH xăng dầu Mông Dương	130.317.273	-

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí công cụ dụng cụ	1.430.908.009	5.656.448.738
Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.110.896.602	-
Chi phí sửa chữa Kho dầu cọc 7	-	3.177.541.368
Chi phí trả trước khác	2.420.686.718	196.546.350
Cộng	6.962.491.329	9.030.536.456

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay ngắn hạn	260.690.850.914	89.245.000.000
NH TMCP Công thương VN - Cẩm Phả	84.622.800.000	-
NH TMCP Ngoại thương VN - Quảng Ninh	74.214.050.914	-
NH TMCP Ngoại thương VN - Quảng Ninh	72.808.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin	29.046.000.000	89.245.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	260.690.850.914	89.245.000.000

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng nội địa	4.063.236.933	33.441.975
Thuế thu nhập cá nhân	133.875.486	541.157.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.072.722.644	718.613.942
Thuế đất	215.460.641	-
Các khoản phí, lệ phí	-	86.379.306
Cộng	9.485.295.704	1.379.592.993

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Chi phí lãi vay	82.840.786	111.734.514
Chi phí thuê vận chuyển dầu - XNVT CP	-	8.427.273
Lệ phí trước bạ sà lan 500 tấn QN 6414	-	27.380.000
Lệ phí trước bạ sà lan 500 tấn QN 6415	-	27.800.000
Tiền điện thoại phải trả	38.768.801	24.677.035
Chi phí TVTK cửa hàng XD Mông Dương	130.317.273	-
Chi phí phải trả khác	107.559.314	-
Cộng	<u>359.486.174</u>	<u>200.018.822</u>

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	252.342.382	101.507.548
Bảo hiểm xã hội	46.700.730	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	119.229.704	5.926.200
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	8.027.064.940	2.458.140.654
Cộng	<u>8.445.337.756</u>	<u>2.565.574.402</u>

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác	<u>31/12/2012</u> (VND)
<i>Kinh phí hoạt động Đảng</i>	126.511.905
<i>Quỹ văn hóa xã hội, thể thao</i>	348.114.193
<i>Khấu hao bếp ăn tập thể</i>	102.444.844
<i>BHXH ứng tiền khám chữa bệnh</i>	32.243.422
<i>Tiền học phí lớp lái cầu</i>	27.806.000
<i>Công an chuyển tiền thu hộ Hapexco</i>	300.000.000
<i>Phải trả đối tác góp vốn hợp tác kinh doanh</i>	312.238.740
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	6.777.705.836
Cộng	<u>8.027.064.940</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.12. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2012	01/01/2012
		(VND)	(VND)
Vay dài hạn			64.945.472.336
Vay ngân hàng	(i)	73.447.971.316	47.972.778.666
Vay Tập đoàn Vinacomin	(ii)	7.110.091.775	11.215.024.052
Vay cán bộ công nhân viên		-	74.054.836
Vay Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin	(iii)	2.435.842.782	5.683.614.782
Nợ dài hạn		-	-
Cộng		82.993.905.873	64.945.472.336

(i) Số dư tiền vay ngân hàng tại 31/12/2012 bao gồm:

		VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	(a)	16.700.946.000
N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN-Cẩm Phả	(b)	33.728.846.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh	(c)	4.153.886.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh	(d)	10.007.644.570
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	(e)	8.856.648.746
Cộng		73.447.971.316

Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả năm 2013 như sau:

	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả	8.031.358.812
N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	8.431.956.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh	1.346.068.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh	4.310.514.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	550.000.000
Cộng	22.669.896.812

- Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 31/12/2012 là 16.700.946.000 đồng bao gồm 09 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 năm đến 8 năm với mức lãi suất là 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 31/12/2012 là 33.728.846.000 đồng bao gồm 16 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 đến 8 năm và với mức lãi suất thả nổi. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2012 là 4.153.886.000 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 10,5%/năm đến 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- d. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2012 là 10.007.644.570 đồng bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 12%/năm đến 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- e. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2012 là 8.856.648.746 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 7 năm và với mức lãi suất là 14,6%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Số dư nợ vay dài hạn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại ngày 31/12/2012 là 341.585 Đô la Mỹ (USD) tương đương 7.110.091.775 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 170.873,48 USD tương đương 3.556.731.486 đồng) bao gồm 03 hợp đồng vay với mức lãi suất từ 6,017%/năm đến 6,558%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.
- (iii) Số dư nợ vay Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin tại ngày 31/12/2012 là 2.435.842.782 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 2.435.842.782 đồng) bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 6 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	CL tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	80.108.882.182	-	4.521.340.353	7.758.625.402	200.000.000	16.291.376	-	92.605.139.313		
Tăng vốn trong năm trước	14.410.256.159	-	-	-	-	-	-	14.410.256.159		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	39.876.876	44.110.557.665	44.150.434.541		
Tăng khác	12.480.538.174	-	10.608.457.448	4.333.520.199	200.000.000	-	-	27.622.515.821		
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	-	-	(14.410.256.159)	-	(200.000.000)	(16.291.376)	(44.110.557.665)	(58.737.105.200)		
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	106.999.676.515	-	719.541.642	12.092.145.601	200.000.000	39.876.876	-	120.051.240.634		
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	24.059.170.805	24.059.170.805		
Tăng khác	4.251.086.976	20.750.763.491	5.381.174.943	2.351.601.788	-	-	-	32.734.627.198		
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	(20.750.763.491)	-	(319.918.840)	(742.585.409)	(200.000.000)	(39.876.876)	(24.059.170.805)	(46.112.315.421)		
Số dư cuối năm	90.500.000.000	20.750.763.491	5.780.797.745	13.701.161.980	-	-	-	130.732.723.216		

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	90.500.000.000	106.999.676.515
Vốn góp của đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>90.500.000.000</u>	<u>106.999.676.515</u>

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	5.780.797.745	719.541.642
Quỹ dự phòng tài chính	13.701.161.980	12.092.145.601
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	200.000.000
Cộng	<u>19.481.959.725</u>	<u>13.011.687.243</u>

Mục đích sử dụng các quỹ:

- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không có khả năng thu hồi xảy ra trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc bù đắp khoản lỗ của Công ty.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ trang thiết bị hoặc sử dụng để đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.14 Nhận vốn góp liên doanh

		<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Công ty CP Đầu tư Vật tư VT và xếp dỡ	(i)	1.276.463.247	2.126.731.125
Công ty APP	(ii)	1.025.175.497	1.025.175.497
Cộng		<u>2.301.638.744</u>	<u>3.151.906.622</u>

(i) Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư vật tư vận tải và xếp dỡ.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 77/HĐ-KH ngày 10/6/2009 về việc góp vốn đầu tư hoá cải tàu dầu QN 3124 từ 500 m3 thành 800 m3.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02A/HĐ-KH ngày 01/01/2008 về việc góp vốn đầu tư tàu chở dầu 800m3 theo dự án của Công ty Vật tư Vận tải & Xếp dỡ - Vinacomin để vận chuyển dầu (DO) phục vụ cho các đơn vị sản xuất than của Tập đoàn và các đối tượng khác.

(ii) Đối với Công ty APP về việc hợp tác liên doanh sản xuất dầu nhờn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.344.590.216.726	6.497.332.214.596
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>6.125.756.838.152</i>	<i>6.275.306.264.318</i>
Doanh thu bán hàng hoá	5.892.261.937.322	6.061.919.275.529
Doanh thu bán thành phẩm	233.494.900.830	213.386.988.789
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>218.833.378.574</i>	<i>222.025.950.278</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	34.583.215
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	34.583.215

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	6.344.590.216.726	6.497.297.631.381
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	5.892.261.937.322	6.061.919.275.529
Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	233.494.900.830	213.352.405.574
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	218.833.378.574	222.025.950.278

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	5.755.942.503.694	5.869.563.017.344
Giá vốn thành phẩm đã bán	173.023.982.533	151.187.692.736
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	162.772.533.741	184.931.537.395
Cộng	6.091.739.019.968	6.205.682.247.475

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	943.143.213	2.001.789.224
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.153.866	108.494.921
Doanh thu hoạt động tài chính khác	248.595.324	896.434.700
Cộng	1.206.892.403	3.006.718.845

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền vay	68.599.704.537	42.890.887.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.133.926	1.831.682.033
Chi phí hoạt động tài chính khác	115.118.878	-
Cộng	68.738.957.341	44.722.569.173

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.315.007.082	15.148.741.297
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.374.177.887	59.259.298.962
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	885.850.439	1.335.666.226
- Tổng thu nhập chịu thuế	33.260.028.326	60.594.965.188
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	33.260.028.326	60.594.965.188
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.315.007.082	15.148.741.297
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay	-	-
Cộng	8.315.007.082	15.148.741.297

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2012</u> (VND)	<u>Năm 2011</u> (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	221.942.494.236	207.680.718.090
Chi phí nhân công	147.391.639.119	146.823.924.692
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.648.444.990	26.097.598.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.346.253.219	97.440.526.360
Chi phí khác bằng tiền	39.666.339.094	58.238.287.614
Cộng	<u>500.995.170.658</u>	<u>536.281.055.743</u>

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2012 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 03A: Báo cáo chi tiết TSCĐ mua từ các đơn vị nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm báo cáo.

7.2 Thông tin so sánh

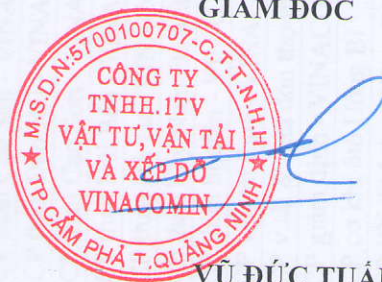
Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam).

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN